

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE  
376 ĐIỆN BIÊN PHỦ - Q.10 - TP.HCM



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Quý 4 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/10/2011
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>160.118.533.139</b>	<b>132.340.028.046</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>19.517.661.300</b> ✓	<b>20.177.989.073</b> ✓
1. Tiền	111		12.517.661.300	14.177.989.073
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	6.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.624.652.500</b>	<b>1.977.110.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	6.322.910.000 ✓	5.870.810.000 ✓
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(3.698.257.500) ✓	(3.893.700.000) ✓
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>85.504.398.888</b>	<b>52.196.357.232</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	47.826.909.757 ✓	30.685.715.801 ✓
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	2.714.431.434 ✓	2.079.672.705 ✓
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	40.769.057.318 ✓	22.675.968.726 ✓
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(5.805.999.621) ✓	(3.245.000.000) ✓
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>46.649.702.794</b>	<b>48.028.430.932</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	52.641.291.124 ✓	55.147.405.170 ✓
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(5.991.588.330) ✓	(7.118.974.238) ✓
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.822.117.657</b>	<b>9.960.140.809</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	132.333.429 ✓	745.771.311 ✓
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.353.631.022	4.661.871.792
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		690.030.771 ✓	690.030.771 ✓
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	3.646.122.435 ✓	3.862.466.935 ✓
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>137.964.097.093</b>	<b>156.672.688.646</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>15.618.102.962</b>	<b>41.411.129.570</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	10.284.437.952 ✓	10.504.825.904 ✓
<i>Nguyên giá</i>	222		18.121.162.511 ✓	19.162.660.913 ✓
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.836.724.559) ✓	(8.657.835.009) ✓
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	4.995.039.818 ✓	5.016.502.139 ✓
<i>Nguyên giá</i>	228		5.380.992.840 ✓	5.380.992.840 ✓
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(385.953.022) ✓	(364.490.701) ✓
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	338.625.192 ✓	25.889.801.527 ✓
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>26.773.636.617</b>	<b>26.917.749.912</b>
<i>Nguyên giá</i>	241	V.15	28.610.873.830 ✓	28.610.873.830
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(1.837.237.213) ✓	(1.693.123.918) ✓
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>94.344.274.968</b>	<b>87.150.374.126</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	70.892.217.102 ✓	61.584.071.736 ✓
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	28.385.814.448 ✓	27.385.814.448 ✓
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(4.933.756.582)	(1.819.512.058)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.228.082.546</b>	<b>1.193.435.038</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	1.228.082.546 ✓	1.193.435.038 ✓
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>298.082.630.232</b>	<b>289.012.716.692</b>

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/10/2011
<b>NGUỒN VỐN</b>					
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>		<b>52.776.627.052</b>	<b>58.812.478.460</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>52.725.087.940</b>	<b>58.735.658.617</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	44.120.677.000 ✓	13.339.246.947 ✓	
2. Phải trả người bán	312	V.22	6.834.313.362 ✓	20.978.914.305 ✓	
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	76.429.642 ✓	78.734.295 ✓	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	171.878.596	692.353.642	
5. Phải trả người lao động	315		6.100.000	3.461.000	
6. Chi phí phải trả	316		632.038.000 ✓	-	
7. Phải trả nội bộ	317		-	-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	883.651.340 ✓	23.642.948.428 ✓	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-	

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>51.539.112</b>	<b>76.819.843</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	51.539.112	76.819.843
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>245.306.003.180</b>	<b>230.200.238.232</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>245.306.003.180</b>	<b>230.200.238.232</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	95.699.000.000	95.699.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.27	104.948.405.377	104.948.405.377
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.27	11.025.017.419	11.025.017.419
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	33.633.580.384	18.527.815.436
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>298.082.630.232</b>	<b>289.012.716.692</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu

Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng

Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, P.11, Quận 10, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý IV năm 2011

CHI TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý IV		Đơn vị tính: VND		
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
				Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	124.888.342.456	72.246.998.286	356.395.391.872	302.296.642.313
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.2	711.078.200	2.563.227.951	971.438.452	3.559.866.924
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		124.177.264.256	69.683.770.335	355.423.953.420	298.736.775.389
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.3	118.868.380.191	68.277.750.829	347.040.923.547	292.222.211.023
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.308.884.065	1.406.019.506	8.383.029.873	6.514.564.366
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.4	23.008.889.523	12.006.618.722	45.096.292.877	50.870.565.607
7. Chi phí tài chính	22	VL.5	4.072.559.784	2.303.523.636	6.205.211.522	21.724.426.614
Trong đó: chi phí lãi vay	23		775.666.946	1.618.462.153	1.576.234.802	4.511.374.386
8. Chi phí bán hàng	24	VL.6	5.695.837.217	5.868.564.913	14.103.190.779	13.991.900.954
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.7	5.887.198.386	2.808.616.123	13.910.512.063	9.497.351.000
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.662.178.201	2.431.933.556	19.260.408.386	12.171.451.405
11. Thu nhập khác	31	VL.8	2.555.117.876	9.366.546.701	13.136.425.362	32.011.085.618
12. Chi phí khác	32	VL.9	111.531.129	3.782.317.028	112.536.214	3.968.235.586
13. Lợi nhuận khác	40		2.443.586.747	5.584.229.673	13.023.889.148	28.042.850.032
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.105.764.948	8.016.163.229	32.284.297.534	40.214.301.437
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-	-	3.600.461.752

**CHỈ TIÊU**

Mã Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
52	-	-	-	-
60	15.105.764.948	8.016.163.229	32.284.297.534	36.613.839.685
70	1.578	838	3.374	3.826

- 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
- 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp
- 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

*Handwritten signature*

Huỳnh Bảo Khánh  
Người lập biểu

*Handwritten signature*

Phạm Thúy Oanh  
Kế toán trưởng



Vũ Quốc Vinh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		374.450.194.217	341.064.702.097
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(376.659.312.752)	(334.528.793.065)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.191.938.162)	(15.704.439.522)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.576.234.802)	(4.549.745.783)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(5.804.402.836)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.394.669.840	3.667.604.053
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(27.141.761.723)	(12.000.936.666)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(30.724.383.382)</b>	<b>(27.856.011.722)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(2.799.723.906)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.290.712.991)	(2.407.018.559)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		5.024.543.626	500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		46.588.231.060	16.935.800.076
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>46.322.061.695</b>	<b>12.229.057.611</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		96.799.443.085	193.593.026.321
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(85.300.664.117)	(170.679.718.295)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.389.737.250)	(25.739.682.450)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(12.890.958.282)</b>	<b>(2.826.374.424)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>2.706.720.031</b>	<b>(18.453.328.535)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>16.798.113.156</b>	<b>34.909.419.022</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		12.828.113	342.022.669
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>19.517.661.300</b>	<b>16.798.113.156</b>

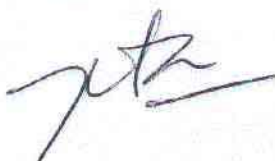
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh



Tổng giám đốc

Vũ Quốc Vinh



## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV năm 2011

## I. I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại
3. Ngành nghề kinh doanh : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; thiết lập mạng lưới thiết bị internet, cung cấp dịch vụ truy nhập Internet công cộng và kinh doanh dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; sản xuất và lắp ráp thiết bị bưu chính viễn thông; kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa; kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động ở Thành phố Hồ Chí Minh); kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường thủy và taxi; cho thuê nhà xưởng, kho bãi; đại lý ký gửi hàng hóa; tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán  
Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : đồng Việt Nam (VND)

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. Hình thức kế toán áp dụng  
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính  
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc  
Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
2. Tiền và tương đương tiền  
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo Biên bản thỏa thuận, chứng từ.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6

#### 6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ chi phí mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

#### 7. Tài sản cố định vô hình

##### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 10 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

#### ***Bản quyền***

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền vào sử dụng và được khấu hao trong 10 năm.

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã chi ra bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí giải phóng mặt bằng, lệ phí trước bạ...

#### **8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

#### **9. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

#### **10. Chi phí trả trước dài hạn**

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

#### **11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả phát sinh trong kỳ.

#### **12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là đảm bảo số dư tối đa bằng 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc để đảm bảo chi trả cho các nhân viên trong thời gian làm việc tại Công ty đến 31/12/2008. Trong trường hợp Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

#### **13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ): được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

### 15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### 16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	01/10/2011
Tiền mặt	473.724.041	386.273.581
Tiền gửi ngân hàng	12.043.937.259	13.791.715.492
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.517.661.300</b>	<b>20.177.989.073</b>

### 2. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2011		01/10/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty ĐTPT và KCN Sông Đà (SJS)	34.000	2.324.100.000	15.000	1.872.000.000
Cty CP XD-KD Địa ốc Hòa Bình (HBC)	7	60.000	7	60.000
Cty CP Dầu Tường An (TAC)	6.000	828.000.000	6.000	828.000.000
NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	108.675	2.190.750.000	108.675	2.190.750.000
Cty CP CK Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
<b>Cộng</b>		<b>6.322.910.000</b>		<b>5.870.810.000</b>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

\* Cổ phiếu Công ty ĐTPT và KCN Sông Đà ( SJS ) : tăng do trong kỳ mua thêm 19.000 cổ phiếu .

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/10/2011</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(3.698.257.500)	(3.893.700.000)

**4. Phải thu khách hàng**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/10/2011</u>
<i>Văn phòng Công ty</i>	46.897.904.103	30.235.776.583
Cty CP TIE - Chi nhánh Phú Quốc	27.927.500	78.593.450
Cty CP TIE - Chi nhánh Hà Nội	672.615.131	237.370.764
Cty CP TIE - Chi nhánh Cần Thơ	228.463.023	133.975.004
<b>Cộng</b>	<u>47.826.909.757</u>	<u>30.685.715.801</u>

**5. Trả trước cho người bán**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/10/2011</u>
<i>Văn phòng Công ty</i>	1.711.416.434	1.899.056.705
Cty CP TIE - Chi nhánh Phú Quốc	1.003.015.000	180.616.000
<b>Cộng</b>	<u>2.714.431.434</u>	<u>2.079.672.705</u>

**6. Các khoản phải thu khác**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/10/2011</u>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	33.600.000.000	11.000.000.000
Tạm chi quỹ khen thưởng phúc lợi	2.395.277.316	1.534.451.872
Dự án cao ốc 376 Điện Biên Phủ	8.077.570	3.499.312.388
Tài khoản Công ty CK Ngân hàng Đông Á	261.328.227	713.239.416
Công ty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.)(* )	3.210.000.000	3.210.000.000
Công ty CP Đầu Tư và Thương Mại TIE-XIM	-	1.740.000.000
Các khoản phải thu khác	1.294.374.205	978.965.050
<b>Cộng</b>	<u>40.769.057.318</u>	<u>22.675.968.726</u>

(\* ) Khoản phải thu Công ty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.) đã được lập dự phòng do khó có khả năng thu hồi.

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/10/2011</u>
<i>Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán</i>		
Khoản phải thu Lê Nguyên Vũ	(35.000.000)	(35.000.000)
Khoản phải thu Cty CP thể hệ mới NGT	(3.210.000.000)	(3.210.000.000)
Khoản phải thu Cty TH Điện Tử Thuận An	(2.421.569.620)	-
Khoản phải thu Cty CP Điện máy - Máy tính Viễn Thông Hợp Nhất	(139.430.001)	-
<b>Cộng</b>	<u>(5.805.999.621)</u>	<u>(3.245.000.000)</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**8. Hàng tồn kho**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/10/2011</u>
Hàng mua đang đi trên đường	231.636.370	25.000.000
Nguyên liệu, vật liệu	188.256.275	133.327.898
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	41.216.504	41.557.094
Thành phẩm	116.837.196	137.325.198
Hàng hóa	51.890.282.831	54.715.375.975
Hàng gửi đi bán	173.061.948	94.819.005
<b>Cộng</b>	<b><u>52.641.291.124</u></b>	<b><u>55.147.405.170</u></b>

**9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/10/2011</u>
Hàng hóa	(5.991.588.330)	(7.118.974.238)

**10. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>K/chuyển vào chi phí</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
<i>Văn phòng Công ty</i>	472.735.122	1.680.217	356.850.567	117.564.772
Chi phí trả trước	-	1.680.217	1.680.217	-
Chi phí thuê kho, nhà tại Chi nhánh	217.950.909		108.145.909	109.805.000
Chi phí thuê đất	239.264.668		239.264.668	-
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	15.519.545		7.759.773	7.759.772
<i>Cty CP TIE - Chi nhánh Hà Nội</i>	11.281.818	12.339.546	20.594.091	3.027.273
<i>Cty CP TIE - Chi nhánh Phú Quốc</i>	261.754.371	3.465.154	253.478.141	11.741.384
<b>Cộng</b>	<b><u>745.771.311</u></b>	<b><u>17.484.917</u></b>	<b><u>630.922.799</u></b>	<b><u>132.333.429</u></b>

**11. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/10/2011</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	3.458.322.435	3.458.322.435
Tạm ứng	132.800.000	349.144.500
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	55.000.000	55.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.646.122.435</u></b>	<b><u>3.862.466.935</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
1. Số đầu kỳ	12.713.714.365	1.482.636.479	4.168.861.860	797.448.209	19.162.660.913
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	35.809.093	35.809.093
Trong đó	-	-	-	-	-
Điều chuyển	-	-	-	-	-
Mua mới	-	-	-	35.809.093	35.809.093
3. Giảm trong kỳ	-	911.307.495	166.000.000	-	1.077.307.495
Trong đó	-	-	-	-	-
Điều chuyển	-	-	-	-	-
Nhượng bán	-	911.307.495	166.000.000	-	1.077.307.495
4. Số cuối kỳ	12.713.714.365	571.328.984	4.002.861.860	833.257.302	18.121.162.511
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	568.062.102	488.877.892	-	366.105.796	1.423.045.790

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.423.045.790 đồng

<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu kỳ	5.122.790.110	1.456.698.297	1.432.875.201	645.471.401	8.657.835.009
Tăng trong kỳ	122.350.119	3.791.388	100.071.549	29.983.989	256.197.045
Giảm trong kỳ	-	(911.307.495)	(166.000.000)	-	(1.077.307.495)
Số cuối kỳ	5.245.140.229	549.182.190	1.366.946.750	675.455.390	7.836.724.559
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	7.590.924.255	25.938.182	2.735.986.659	151.976.808	10.504.825.904
Số cuối kỳ	7.468.574.136	22.146.794	2.635.915.110	157.801.912	10.284.437.952

**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	364.490.701	-	364.490.701
Tăng trong kỳ	21.462.321	-	21.462.321
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	385.953.022	0	385.953.022
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	494.002.139	4.522.500.000	5.016.502.139
Số cuối kỳ	472.539.818	4.522.500.000	4.995.039.818

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu kỳ 01/10/2011	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2011
XDCB dở dang				
- Chi phí thiết kế văn phòng Phú Quốc	124.966.234	41.818.182		166.784.416
- Dự án 376 Điện Biên Phủ	25.454.545.455		25.454.545.455	-
- Thiết kế cửa hàng kinh doanh SP điện	81.818.182			81.818.182
- Khác	228.471.656	208.481.921	346.930.983	90.022.594
<b>Cộng</b>	<b>25.889.801.527</b>	<b>250.300.103</b>	<b>25.801.476.438</b>	<b>338.625.192</b>

**15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	28.610.873.830		28.610.873.830
Giá trị hao mòn	1.693.123.918	144.113.295	1.837.237.213
Giá trị còn lại	26.917.749.912	-	26.773.636.617

Bất động sản đầu tư gồm:

\* Quyền sử dụng thửa đất đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m<sup>2</sup>. Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.

\* Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m<sup>2</sup> đất tại xã Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm

Tại thời điểm cuối kỳ Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư trên.

**16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	31/12/2011		01/10/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty Điện tử Samsung Vina		53.665.056.000		53.665.056.000
- Công ty TNHH Dụng Cụ Điện Việt Nam		7.919.015.736		7.919.015.736
- Công ty CP Đầu Tư TIE-EXIM		9.308.145.366		
<b>Cộng</b>		<b>70.892.217.102</b>		<b>61.584.071.736</b>

Công ty đầu tư vào Công ty Điện tử Samsung Vina bằng quyền sử dụng 58.200 m<sup>2</sup> đất tại xã Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị tương đương 3,492,000 USD hay 53.665.056.000 VND trong vòng 20 năm kể từ năm 1995, tương đương 20% vốn điều lệ.

Công ty đã đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Dụng cụ Điện Việt Nam 7.919.015.736 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

Trong kỳ Công ty đã đầu tư góp vốn vào Công ty CP Đầu Tư TIE-EXIM 9.308.145.366 VND tương đương 29% vốn điều lệ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**17. Đầu tư dài hạn khác**

<i>Đầu tư cổ phiếu</i>	31/12/2011		01/10/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
NH TMCP Xuất nhập khẩu VN	822.289	10.782.984.448	822.289	10.782.984.448
Cty CP vận chuyển Saigon Tourist	58.212	603.120.000	58.212	603.120.000
Cty CP DV Bưu chính VT Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	1.431.327	8.674.710.000
Cty CP BĐS Sài Gòn Đông Dương	600.000	6.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Cty CP Văn hóa Tân Bình	40.875	2.325.000.000	40.875	2.325.000.000
<b>Cộng</b>		<b>28.385.814.448</b>		<b>27.385.814.448</b>

Trong kỳ công ty có góp vốn vào Công ty CP BĐS Sài Gòn Đông Dương với số tiền 1.000.000.000 VND.

**19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2011	01/10/2011
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(4.933.756.582)	(1.819.512.058)

**20. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	K/chuyển vào cphí SX trong kỳ	Số cuối kỳ
<i>Văn phòng Công ty</i>	1.191.235.038	497.587.627	460.740.119	1.228.082.546
<i>Chi nhánh Cần Thơ</i>	2.200.000	-	2.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.193.435.038</b>	<b>497.587.627</b>	<b>462.940.119</b>	<b>1.228.082.546</b>

**21. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2011	01/10/2011
Vay ngắn hạn NHTM cổ phần Công thương VN - CN TPHCM	44.120.677.000	13.339.246.947

Công ty ký hợp đồng vay ngắn hạn số 11.773001/HĐTDHM ngày 06 tháng 01 năm 2011 với Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2011. Hai bên thỏa thuận nội dung cho vay không có đảm bảo bằng tài sản là 70 tỷ VNĐ ( bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi )

**22. Phải trả người bán**

	31/12/2011	01/10/2011
Công ty Điện tử Samsung Vina	6.352.295.859	19.938.909.479
A-DATA Technology Co., Ltd	458.632.560	1.024.675.272
Phải trả các nhà cung cấp khác	23.384.943	15.329.554
<b>Cộng</b>	<b>6.834.313.362</b>	<b>20.978.914.305</b>

**23. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2011	01/10/2011
Văn phòng Công ty	76.429.642	76.234.295
Chi nhánh Phú Quốc	-	2.500.000
<b>Cộng</b>	<b>76.429.642</b>	<b>78.734.295</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ 01/10/2011	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2011
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	20.593.100	145.987.426	121.935.757	44.644.769
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	599.658.992	3.033.371.222	3.585.559.865	47.470.349
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	15.261.707	51.665.064	57.618.861	9.307.910
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(690.030.771)	-	-	(690.030.771)
- Thuế thu nhập cá nhân	56.839.843	80.291.581	66.675.856	70.455.568
- Thuế nhà đất	-	-	-	-
- Tiền thuê đất	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	-	-
- Các khoản phí, lệ phí khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.322.871</b>	<b>3.311.315.293</b>	<b>3.831.790.339</b>	<b>(518.152.175)</b>

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý IV năm 2011	Quý IV năm 2010
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.105.764.948	8.016.163.229
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(22.600.004.200)	(11.500.000.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập	22.600.004.200	11.500.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	(7.494.239.252)	(3.483.836.771)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế TNDN được giảm theo Nghị quyết CP số 30/2008</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2011	01/10/2011
Bảo hiểm xã hội	-	-
Kinh phí công đoàn	49.975.824	47.534.804
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	361.749.000	388.449.000
Cty CP Bất động sản EXIM	345.115.075	23.075.000.000
Các khoản phải trả khác	126.811.441	131.964.624
<b>Cộng</b>	<b>883.651.340</b>	<b>23.642.948.428</b>

**26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

	31/12/2011	01/10/2011
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	51.539.112	76.819.843

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**27. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số đầu kỳ	95.699.000.000	104.948.405.377	11.025.017.419	18.527.815.436
Lợi nhuận tăng trong kỳ				15.105.764.948
Số cuối kỳ	95.699.000.000	104.948.405.377	11.025.017.419	33.633.580.384

*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

		Tỷ lệ (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.990.000.000	70%
Vốn góp của các cổ đông	28.709.000.000	30%
Cộng	95.699.000.000	100%

## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

### THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ VI. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1. Doanh thu

	Quý IV năm 2011	Quý IV năm 2010
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>124.888.342.456</b>	<b>72.246.998.286</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	118.486.045.864	65.417.405.064
- Doanh thu bán thành phẩm	121.863.511	1.407.642.962
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.404.363	93.280.910
- Doanh thu khác	100.418.183	72.727.273
- Doanh thu bán hàng (CN Phú Quốc)	3.095.792.393	3.708.022.797
- Doanh thu bán hàng (Chi nhánh Hà Nội)	2.498.474.584	1.237.846.636
- Doanh thu bán hàng (Chi nhánh Cần Thơ)	529.343.558	310.072.644
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>711.078.200</b>	<b>2.563.227.951</b>
- Hàng bán bị trả lại	711.078.200	2.563.227.951
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>124.177.264.256</b>	<b>69.683.770.335</b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Quý IV năm 2011	Quý IV năm 2010
Giá vốn thành phẩm xuất bán (VP Cty)	356.542.925	840.036.869
Giá vốn của hàng hóa xuất bán (VP Cty)	113.308.503.623	63.026.545.845
Giá vốn hàng bán (Chi nhánh Phú Quốc)	2.414.435.150	3.033.791.277
Giá vốn hàng bán (Chi nhánh Hà Nội)	2.221.184.013	1.133.744.816
Giá vốn hàng bán (Chi nhánh Cần Thơ)	567.714.480	243.632.022
<b>Cộng</b>	<b>118.868.380.191</b>	<b>68.277.750.829</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV năm 2011	Quý IV năm 2010
Lãi tiền gửi	381.833.584	133.745.455
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.600.004.200	11.500.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.191.365	372.873.267
Khác	1.860.374	-
<b>Cộng</b>	<b>23.008.889.523</b>	<b>12.006.618.722</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Quý IV năm 2011	Quý IV năm 2010
Chi phí lãi vay	775.666.946	1.618.462.153
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	2.918.802.024	598.562.058
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	376.570.464	48.322.657
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	38.176.768
Chi phí khác	1.520.350	-
<b>Cộng</b>	<b>4.072.559.784</b>	<b>2.303.523.636</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý IV năm 2011</u>	<u>Quý IV năm 2010</u>
Chi phí cho nhân viên	1.435.731.829	1.675.449.707
Chi phí công cụ, dụng cụ	10.678.327	2.346.364
Chi phí dụng cụ bán hàng	53.662.798	27.870.542
Chi phí khấu hao tài sản cố định	172.432.336	114.522.094
Chi phí bảo hành	49.548.724	58.383.710
Chi phí dịch vụ mua ngoài	832.109.645	642.775.584
Chi phí khác	3.141.673.558	3.347.216.912
<b>Cộng</b>	<b>5.695.837.217</b>	<b>5.868.564.913</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý IV năm 2011</u>	<u>Quý IV năm 2010</u>
Chi phí cho nhân viên	1.212.778.199	1.640.342.119
Chi phí vật liệu quản lý	40.085.843	18.095.851
Chi phí đồ dùng văn phòng	43.169.641	91.787.046
Chi phí khấu hao tài sản cố định	249.340.325	242.013.191
Thuế, phí và lệ phí	118.468.743	88.405.000
Chi phí dự phòng	2.560.999.621	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	840.692.116	193.642.462
Chi phí khác	821.663.898	534.330.454
<b>Cộng</b>	<b>5.887.198.386</b>	<b>2.808.616.123</b>

### 7. Thu nhập khác

	<u>Quý IV năm 2011</u>	<u>Quý IV năm 2010</u>
Thu khác	9.411.636	667.677.896
Thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	2.545.706.240	1.534.310.100
Thu được do nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	7.000.000.000
Thu hỗ trợ khác	-	164.558.705
<b>Cộng</b>	<b>2.555.117.876</b>	<b>9.366.546.701</b>

### 8. Chi phí khác

	<u>Quý IV năm 2011</u>	<u>Quý IV năm 2010</u>
Nộp phạt thuế (theo BB Kiểm toán Nhà nước 2009)	27.891.510	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	323.640.564
Dự phòng hàng hóa thất thoát tại CN Hà Nội	-	3.458.322.435
Chi phí khác	83.639.619	354.029
<b>Cộng</b>	<b>111.531.129</b>	<b>3.782.317.028</b>

Người lập biểu

Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng

Phạm Thúy Oanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2012

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

0.000

0.000

0.000